



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÀN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 10/2023



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 09/2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	6
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	8
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 09/2023	8
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	9
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	12
1.1.6. Lạm phát	12
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	13
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	13
1.2.2. Lãi suất	13
1.2.3. Tỷ giá	14
1.2.4. Giá vàng	14
1.2.5. Chứng khoán	15
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	16
2.1. Về chủ trương, chính sách	16
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	16
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	18
1. Thị trường dầu thô	18
2. Thị trường khí	21
3. Thị trường phân bón	22
4. Thị trường điện	23
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	24
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 9 năm 2023</i>	25



PHẦN I

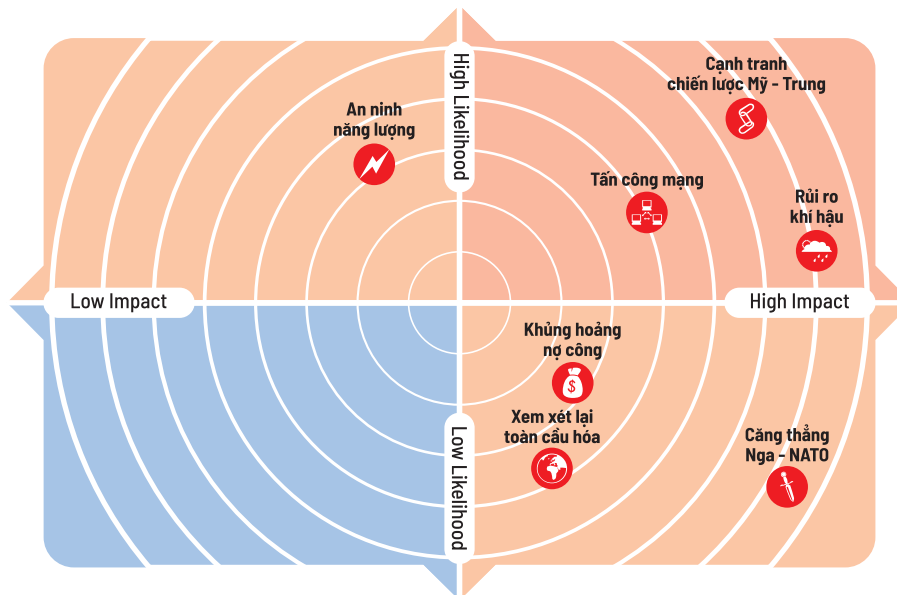
KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 09/2023

1.1. Tổng quan chung

Kinh tế thế giới 9 tháng năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số PMI Sản xuất Toàn cầu đạt 49,1 trong tháng 9/2023, tăng 0.1 điểm so với 49,0 trong tháng 8/2023, duy trì dưới mức trung tính 50,0 trong tháng thứ 13 liên tiếp. Tất cả năm chỉ số phụ bao gồm chỉ số PMI toàn phần (sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, việc làm, tồn kho hàng mua và thời gian giao hàng của nhà cung cấp) đều ở mức cho thấy hiệu suất tổng thể đang suy giảm.

Nhiều quốc gia đã nâng lãi suất và các biện pháp để kìm giữ lạm phát nên sự phục hồi và phát triển kinh tế bị chậm lại, nhu cầu của nền kinh tế thế giới sẽ sụt giảm, nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu cũng sụt giảm. Theo đó, hoạt động thương mại quốc tế vẫn suy giảm dù tình hình có khả quan hơn so với nửa đầu năm 2023

Những tín hiệu lạc quan hơn cũng đã xuất hiện ở nền kinh tế số một thế giới và diễn biến của thị trường lao động đang tạo điều kiện để FED dừng tăng lãi suất, thậm chí hạ lãi suất trong năm tới.

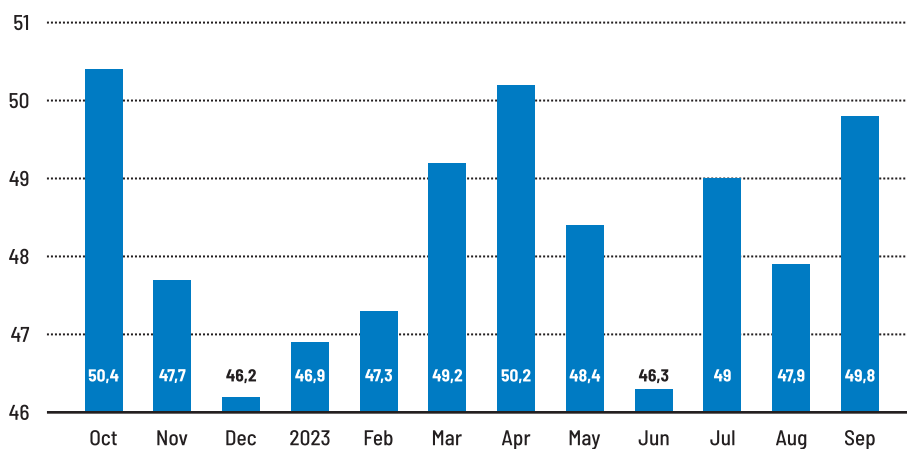
Ngày 20/9, trong cuộc họp chính sách tiền tệ định kỳ, *Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed)* đã quyết định giữ nguyên lãi suất trong khoảng 5,25 - 5,50, nhưng phát tín hiệu có thể tăng lãi suất thêm một lần nữa trong năm nay và giảm bớt số lần hạ lãi suất dự kiến cho năm 2024.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Kinh tế Mỹ

PMI sản xuất đạt 49,8 trong tháng 9/2023, tăng 1,9 điểm từ 47,9 trong tháng 8/2023. Tốc độ suy giảm sản xuất chậm hơn xuất phát từ sự gia tăng mới về sản lượng, hoạt động tuyển dụng nhiều hơn, cùng với việc số lượng đơn đặt hàng mới chỉ giảm nhẹ. Mặc dù nhu cầu trong và ngoài nước vẫn yếu, nhưng các điều kiện đã giảm với tốc độ chậm hơn nhiều. Kỳ vọng về sản lượng trong tương lai cũng tăng, đạt mức cao nhất kể từ tháng 4 năm 2022 trong bối cảnh hy vọng về điều kiện nhu cầu sẽ cải thiện.

PMI SẢN XUẤT CỦA MỸ 10/2022 - 9/2023



Nguồn: Tradingeconomics.com

Tại Mỹ, áp lực lạm phát vẫn rất lớn khi chi phí lại tăng với tốc độ nhanh hơn. Nhu cầu yếu tiếp tục là rào cản với các doanh nghiệp.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2023

Lãi suất tại Mỹ tăng khiến các nhà kinh tế hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế của nước này trung bình xuống 0,6% trong năm 2024, so với mức 1,9% năm 2023. Quỹ Tiền tệ Quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế của Mỹ sẽ đạt 1,8% trong năm 2023, nhưng khó có thể vượt mức 1% trong năm 2024. *OECD* dự báo tăng trưởng của Mỹ sẽ chậm lại còn 1,3% vào 2024, từ mức 2,2% năm nay.

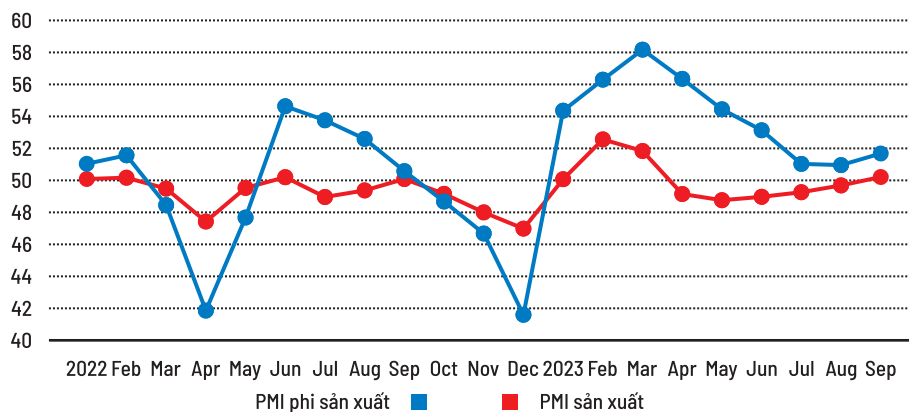
▪ Kinh tế Trung Quốc

Chỉ số PMI ngành sản xuất đã giảm 0,4 điểm, từ 51,0 trong tháng 8/2023 xuống 50,6 vào tháng 9/2023, báo hiệu sự cải thiện sức khỏe của ngành sản xuất tháng thứ hai liên tiếp. Mặc dù mức độ cải thiện nhỏ nhưng vẫn cao hơn so với mức trung bình đầu năm 2023 cho đến nay.

Nhu cầu toàn cầu đối với hàng hóa Trung Quốc vẫn còn yếu, được phản ánh qua mức độ suy giảm của các thước đo sản xuất tại các thị trường xuất khẩu chính của nước này. Sự sụt giảm liên tục trên thị trường bất động sản đang hạn chế nhu cầu nhập khẩu vật liệu xây dựng của Trung Quốc.

Tuy nhiên, nhu cầu tín dụng tại Trung Quốc đang cải thiện, áp lực giảm phát đã dịu bớt và đồng nhân dân tệ đang tăng giá. Loạt dấu hiệu này cho thấy nền kinh tế và thị trường tài chính Trung Quốc có thể đang ổn định trở lại sau một đợt sụt giảm mạnh.

CHỈ SỐ SẢN XUẤT VÀ PHI SẢN XUẤT CỦA TRUNG QUỐC



Nguồn: Bloomberg

OECD dự báo tăng trưởng của Trung Quốc năm sau cũng bị hạ xuống 4,6% do nhu cầu trong nước giảm và căng thẳng trên thị trường bất động sản. *OECD* nhận định phạm vi hỗ trợ chính sách ở nước này khả năng hạn chế hơn so với trước đây. Tốc độ tăng GDP nền kinh tế lớn thứ hai thế giới 2023 có thể đạt 5,1%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó của *OECD*.

Các ngân hàng lớn như *HSBC*, *Morgan Stanley* và *Citigroup* đều dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc dưới 5%.

▪ Kinh tế EU

Hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn suy giảm trong tháng cuối quý do nhu cầu yếu. Sản lượng tổng thể tiếp tục bị sụt giảm ở khu vực sản xuất và cũng bắt đầu với khu vực dịch vụ sang tháng thứ 2 liên tiếp. Đơn hàng mới giảm tháng thứ 4 liên tiếp, đơn hàng xuất khẩu mới thậm chí còn giảm nhanh hơn.

Chỉ số PMI ngành sản xuất của khu vực đồng euro đã giảm nhẹ 0.1 điểm xuống 43,4 trong tháng 9/2023, từ mức 43,5 trong tháng 8/2023. Điều quan trọng là, đây là tháng thứ 15 liên tiếp chỉ số toàn phần ghi nhận ở mức dưới 50,0, qua đó cho thấy sức khỏe của khu vực sản xuất khu vực đồng euro đang suy giảm kéo dài.

Lạm phát tại Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) giảm xuống gần mức thấp kỷ lục hai năm là 4,6% trong tháng 9/2023, so với mức 5,2% trong tháng 8/2023 và mức đỉnh 10,6% vào tháng 10/2023.

Nền kinh tế đầu tàu của châu Âu là Đức đang ghi nhận tình trạng lĩnh vực công nghiệp sụt giảm và hoạt động xuất khẩu yếu kém. Hai điều này đã ảnh hưởng đáng kể đến toàn bộ nền kinh tế Đức nói chung.

Ngày 14/9, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định nâng lãi suất chủ chốt lần thứ 10 liên tiếp lên mức cao kỷ lục trong nỗ lực nhằm chống lạm phát. Cụ thể, ECB đã tăng 0,25 điểm phần trăm của 3 loại lãi suất chính, gồm lãi suất tái cấp vốn lên 4,25%, lãi suất tiền gửi lên 4% và lãi suất cho vay lên 4,5% - những mức cao nhất kể từ khi đồng euro ra đời vào năm 1999.

LÃI SUẤT KHÁC BIỆT TẠI CÁC NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG KHẮP CHÂU ÂU



Nguồn: Bloomberg

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2023

Ngày 11/9, Ủy ban châu Âu (EC) đã **hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) xuống 0,8%** - từ mức 1,1% được đưa ra hồi tháng 5. Ngoài ra, EC cũng hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Eurozone **năm 2024 xuống 1,3%** - thấp hơn mức 1,6% đưa ra trước đó.

OECD cũng đã **hạ dự báo tăng trưởng khu vực Eurozone năm nay và năm sau, lần lượt còn 0,6% và 1,1%**. Họ dự đoán mức giảm 0,2% ở Đức năm nay, khiến nước này trở thành quốc gia G20 duy nhất (trừ Argentina) suy thoái.

OECD HẠ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KHU VỰC EUROZONE



Forecast

The Summer 2023 Interim Economic Forecast revises growth down for the EU and the euro area in both 2023 and 2024. Headline inflation is expected to continue declining, broadly in line with the spring projections.



GDP

Euro area:
2023: **0,8%**
2024: **1,3%**

EU:
2023: **0,8%**
2024: **1,4%**



Inflation

Euro area:
2023: **5,6%**
2024: **2,9%**

EU:
2023: **6,5%**
2024: **3,2%**

Nguồn: OECD

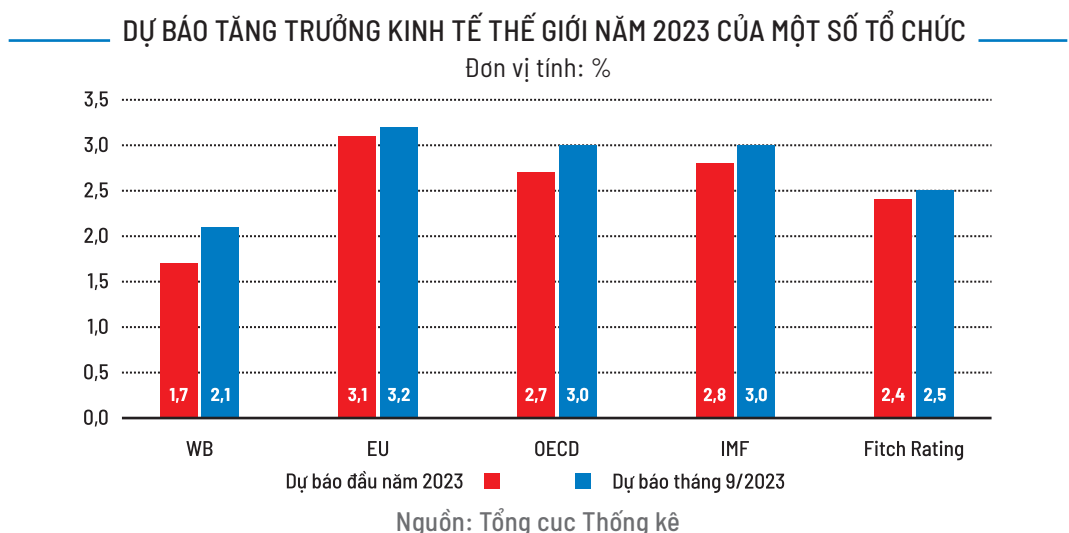
2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Nền kinh tế thế giới đang trong tình trạng bấp bênh, với nguy cơ suy thoái kinh tế ở Mỹ và châu Âu, trong khi Trung Quốc đang có mức tăng trưởng chậm nhất trong nhiều năm. Căng thẳng địa chính trị ngày càng gia tăng. Năng lượng và biến đổi khí hậu tiếp tục là những vấn đề phân cực về mặt chính trị, đặc biệt là thiếu tiến bộ toàn cầu trong quá trình chuyển đổi khí hậu.

Tuy nhiên, cú sốc giá năng lượng gần đây sau cuộc xung đột Nga - Ukraina sẽ thúc đẩy các nỗ lực giảm phát thải carbon và Đạo luật Giảm lạm phát mang lại các cơ hội đầu tư và khuyến khích năng lượng tái tạo đáng kể ở Mỹ. Phản ứng toàn cầu đối với COVID-19 là một chủ đề phân cực khác với nhiều hậu quả về kinh tế và xã hội. Trong số những hậu quả đó là động thái hướng tới việc xem xét lại toàn cầu hóa. Các cuộc tấn công mạng đang trở nên thường xuyên và nghiêm trọng hơn, đồng thời ngày càng được sử dụng như một công cụ quản lý nhà nước.

Cuối cùng, mức nợ quốc gia đang tăng lên mức cao kỷ lục, trong khi chất lượng tín dụng quốc gia đang suy giảm. Số lượng các quốc gia không có chủ quyền đã tăng lên. Một số yếu tố có nguy cơ gây ra cuộc khủng hoảng nợ công tồi tệ nhất trong gần nửa thế kỷ và xuất khẩu đang giảm ở 9 trong số 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới, làm dấy lên mối lo ngại về sự phân mảnh toàn cầu.

Các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng nhẹ so với dự báo đưa ra tại thời điểm trước đó do tăng trưởng 6 tháng cuối năm được dự báo sẽ khởi sắc nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022 từ 0,1 đến 1,0 điểm phần trăm.



Trong báo cáo mới công bố, *OPEC dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt 2,7% trong năm 2023 và 2,6% năm 2024*. OPEC cũng đánh giá tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ thúc đẩy cầu dầu mỏ, đặc biệt nhờ sự phục hồi của các lĩnh vực du lịch và hàng không.

Ngày 19/9, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cũng đã nâng triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2023, song hạ dự báo tăng trưởng năm 2024 trong bối cảnh biện pháp tăng lãi suất nhằm ghìm cương lạm phát đã gây ra những thiệt hại đối với kinh tế. Cụ thể, OECD *dự kiến kinh tế toàn cầu có thể đạt mức tăng trưởng 3% trong năm 2023*, cao hơn mức dự báo 2,7% mà tổ chức này đưa ra hồi tháng 6. Tuy nhiên, OECD cho rằng tăng trưởng toàn cầu vẫn ở mức dưới trung bình, *giảm xuống còn 2,7% trong năm 2024*, thấp hơn 0,5 điểm phần trăm so với dự báo trước đó.

Ngày 20/9, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), đã hạ dự báo tăng trưởng của khu vực châu Á đang phát triển, khi cho rằng khu vực này đang đối mặt với ngày càng nhiều nguy cơ từ lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc và tình trạng lãi suất cao trên toàn thế giới. Theo đó, ADB *dự đoán Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của khu vực này sẽ tăng 4,7%*, giảm nhẹ so với mức dự báo 4,8% được ngân hàng này đưa ra hồi tháng Tư, nhưng cao hơn mức tăng 4,3% ghi nhận năm ngoái.



PHẦN II

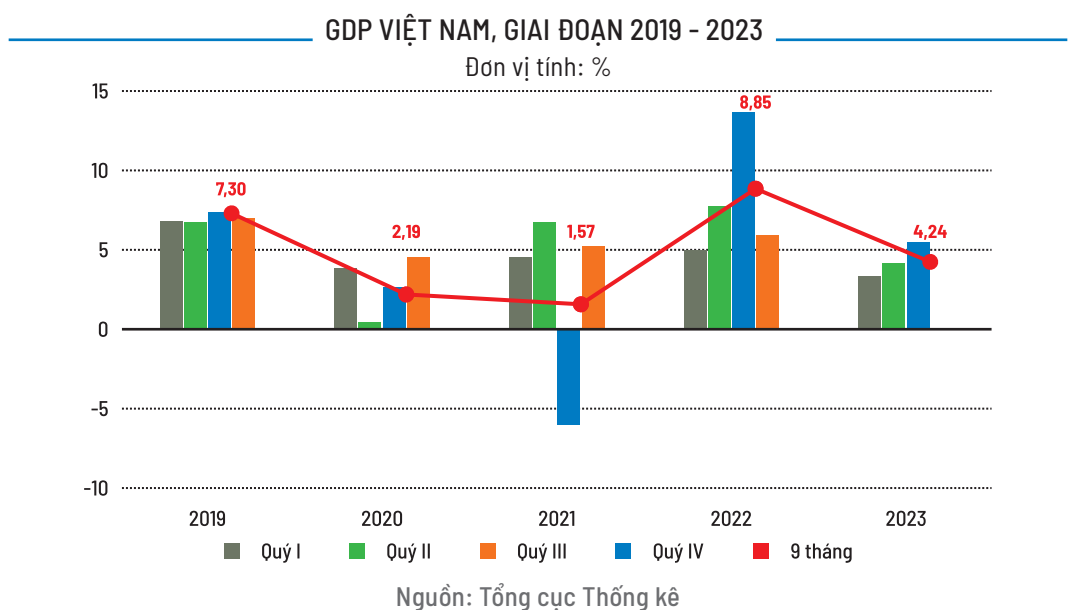
KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 09/2023

Sau khi cải thiện trong tháng 8/2023, các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của Việt Nam đã giảm nhẹ trong tháng 9/2023. Tốc độ lạm phát đã gia tăng khi cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tăng nhanh hơn vào thời điểm cuối quý 3. Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất Việt Nam đạt 49,7 trong tháng 9/2023, giảm trở lại xuống dưới mốc 50 điểm sau khi đạt trên 50,5 điểm trong tháng 8/2023 (giảm 0,8 điểm). Với kết quả này, chỉ số cho thấy các điều kiện kinh doanh của các nhà sản xuất Việt Nam suy giảm, mặc dù mức suy giảm là nhỏ. Khía cạnh tích cực nhất của kỳ khảo sát này là số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ hai liên tiếp, và tốc độ tăng gần như ngang bằng với kỳ khảo sát trước.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 3/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023 nhưng với xu hướng tích cực (quý 1 tăng 3,28%, quý 2 tăng 4,05%, quý 3 tăng 5,33%).

Tính chung 9 tháng năm 2023, GDP tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021. Tuy nhiên, mức này thấp hơn đáng kể so với tốc độ 7,35%, 7,3% của 9 tháng năm 2018, 2019 và 8,85% của 9 tháng năm 2022.

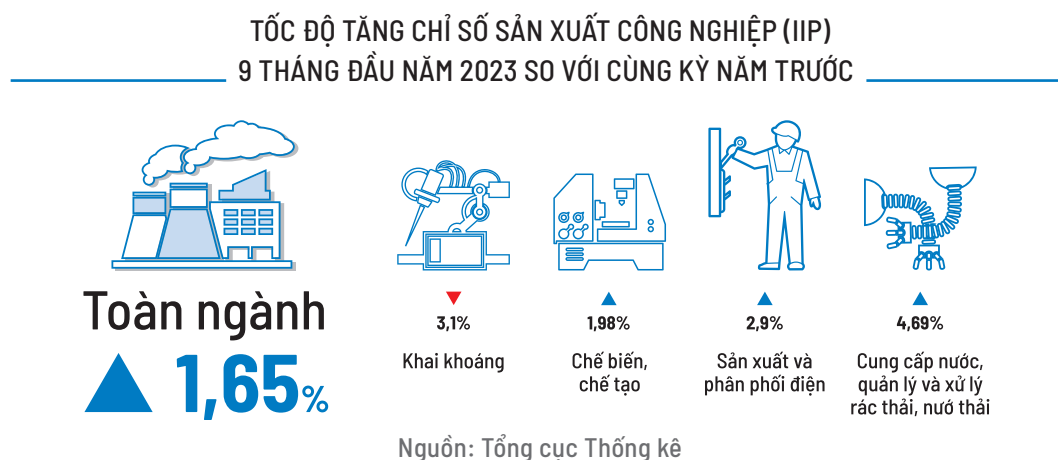


1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý 3/2023 tăng trưởng tích cực hơn quý trước, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp ước đạt 4.57% so với quý 3/2022.

Tính chung 9 tháng năm 2023, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 1.65% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1.98%.



1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 9, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60,53 tỷ USD, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

Về xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9/2023 ước đạt 31,41 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 259,67 tỷ USD, giảm 8,2% so với cùng kỳ năm trước.

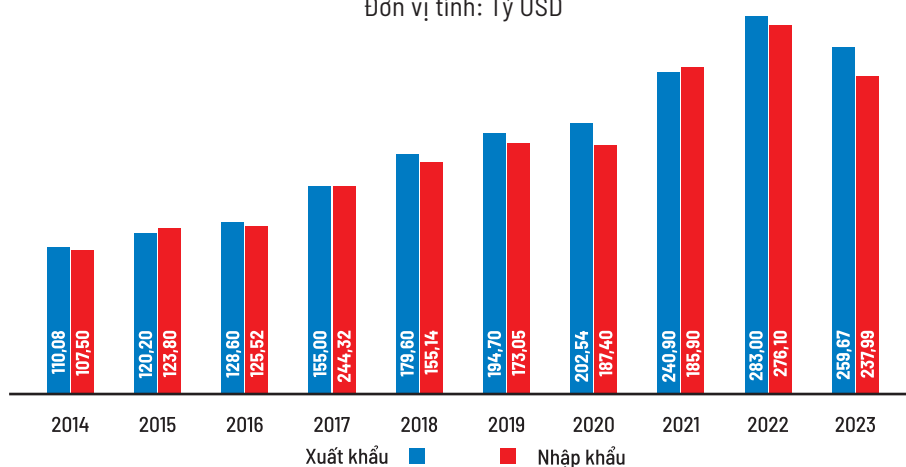
Về nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2023 ước đạt 29,12 tỷ USD, giảm 0,7% so với tháng trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 237,99 tỷ USD, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 497,66 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 8,2%; nhập khẩu giảm 13,8%. Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2023 ước tính xuất siêu 21,68 tỷ USD.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2023

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU 9 THÁNG QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD



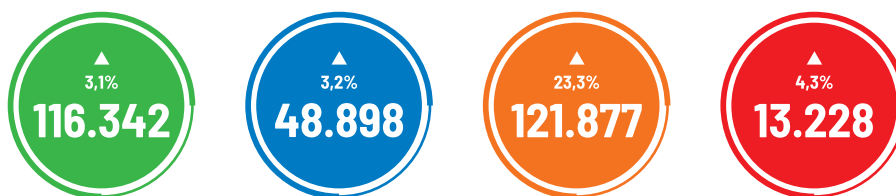
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 9, cả nước có 12.684 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 117,2 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 80 nghìn lao động, giảm 9,7% về số doanh nghiệp, giảm 13,4% về vốn đăng ký và tăng 0,1% về số lao động so với tháng 8/2023.

Tính chung 9 tháng năm 2023, cả nước có 116,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.086,8 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 748,9 nghìn lao động, tăng 3,1% về số doanh nghiệp, giảm 14,6% về vốn đăng ký và giảm 1,2% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2022



Doanh nghiệp
thành lập mới

Doanh nghiệp
quay lại hoạt động

Doanh nghiệp
tạm ngừng hoạt động

Doanh nghiệp
giải thể

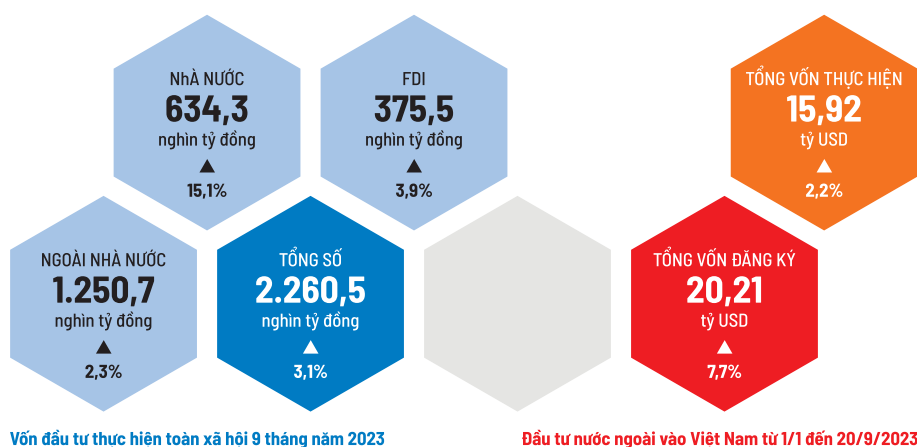
Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2023

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tính đến hết tháng 9/2023, giải ngân đầu tư công ước đạt trên 363.000 tỷ đồng, bằng 51,38% kế hoạch, cao hơn khoảng 110.000 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng tăng 46,7%. Đây cũng là năm đầu tiên giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng vượt mức 50%.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng năm 2023

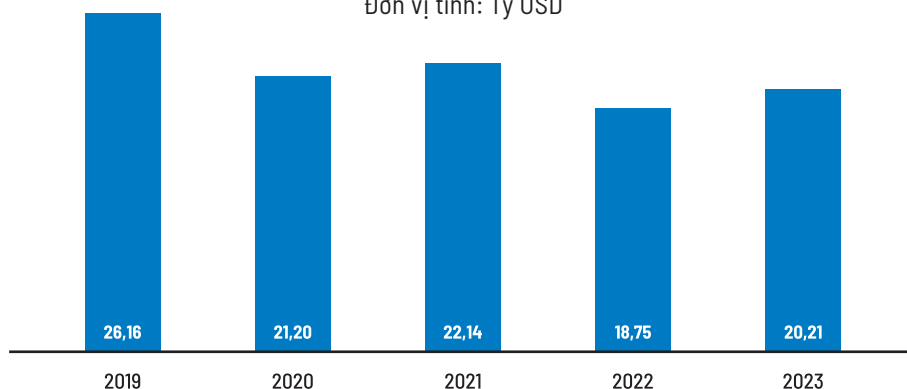
Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ 1/1 đến 20/9/2023

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về thu hút đầu tư nước ngoài, tính đến ngày 20/9/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 20,21 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

VỐN ĐẦU TƯ FDI VÀO VIỆT NAM 9 THÁNG ĐẦU NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

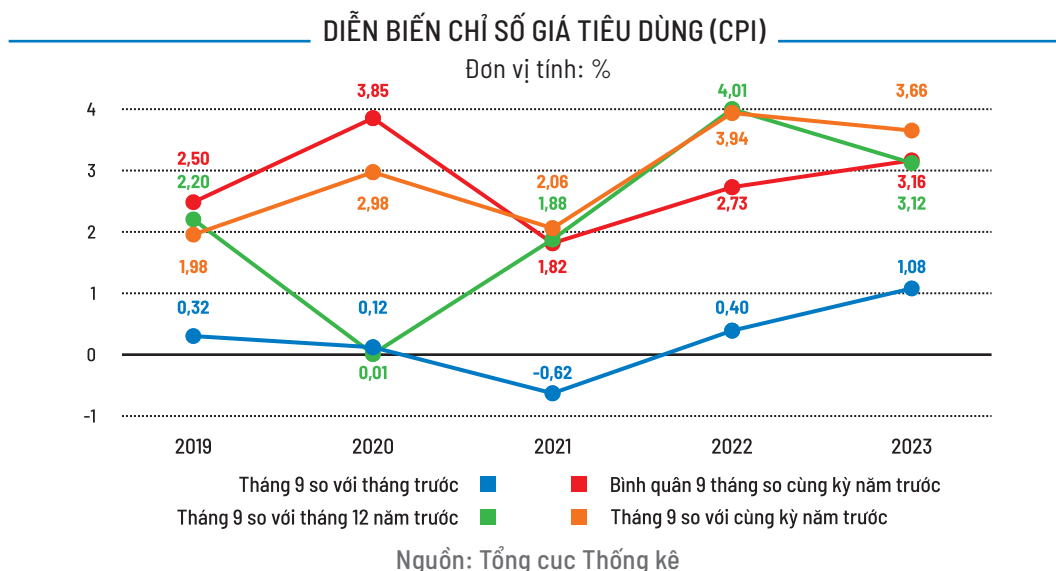
Vốn đầu tư thực hiện của các nhà đầu tư nước ngoài cũng tiếp tục tăng, đạt hơn 15,9 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ. Mức tăng này cao hơn 0,5 điểm phần trăm so với 8 tháng đầu năm

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Trong 9 tháng năm 2023 so với tháng 12/2022, CPI tháng 01 tăng cao nhất với 4,89%, sau đó giảm dần đến tháng 6 mức tăng chỉ còn 2%, tháng 7 tăng ở mức 2,06%, tháng 8 tăng 2,96%, sang tháng 9 lên mức tăng 3,66%.

Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm theo giá thế giới làm cho chỉ số giá nhóm xăng dầu so với cùng kỳ năm trước liên tục giảm, từ mức giảm 7,08% trong tháng 01/2023 đã giảm mạnh 31,73% trong tháng 6/2023 và sang tháng 9, giá xăng dầu đã tăng 5,64% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân 9 tháng năm 2023, CPI tăng 3,16% so cùng kỳ năm 2022.



1.1.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 9/2023 tăng 0,26% so với tháng trước, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,49% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,16%).

Theo Tổng cục Thống kê, có một số nguyên nhân chính giúp Việt Nam kiểm soát được lạm phát trong 9 tháng đầu năm. Trong đó phải kể đến chỉ số giá nhóm xăng dầu trong nước 9 tháng năm 2023 giảm 15,26% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá thế giới, tác động làm CPI chung giảm 0,55 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm gas trong nước giảm 10,21% theo giá thế giới, tác động làm CPI chung giảm 0,15 điểm phần trăm.

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 20/9, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế so với thời điểm cuối năm 2022 đạt 5,73%. Cùng thời điểm này năm trước, tăng trưởng đạt 10,54%.

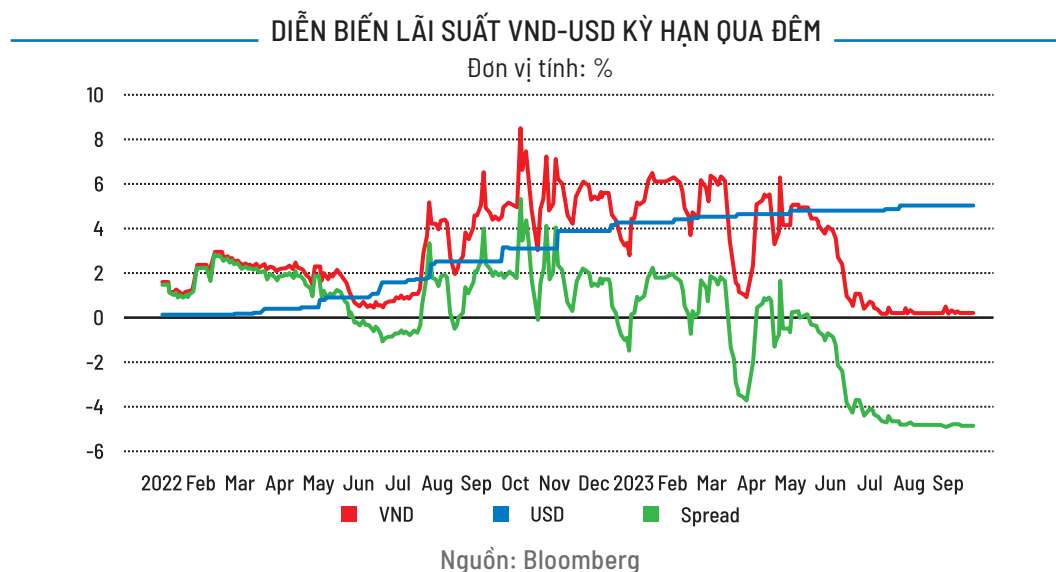
Ngoài ra, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,75%, so với cùng kỳ năm 2022 là 2,49%. Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,8%, so với cùng kỳ là 4,04%.

Nhu cầu trong và ngoài nước thấp gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, khiến cho tăng trưởng tín dụng thấp.

Từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2023 của toàn ngành khoảng 14-15% và cũng đã giao chỉ tiêu hạn mức tín dụng (room tín dụng) cho các ngân hàng với tổng mức tăng là 14%. Như vậy, trải qua gần 2/3 chặng đường, ngành ngân hàng mới chỉ thực hiện được hơn 1/3 kế hoạch đề ra.

1.2.2. Lãi suất

Sau 4 lần điều chỉnh giảm liên tục các mức lãi suất với mức giảm từ 0,5-2%/năm, đến nay lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng đồng Việt Nam của các ngân hàng thương mại giảm khoảng hơn 1%/năm so với cuối năm 2022.

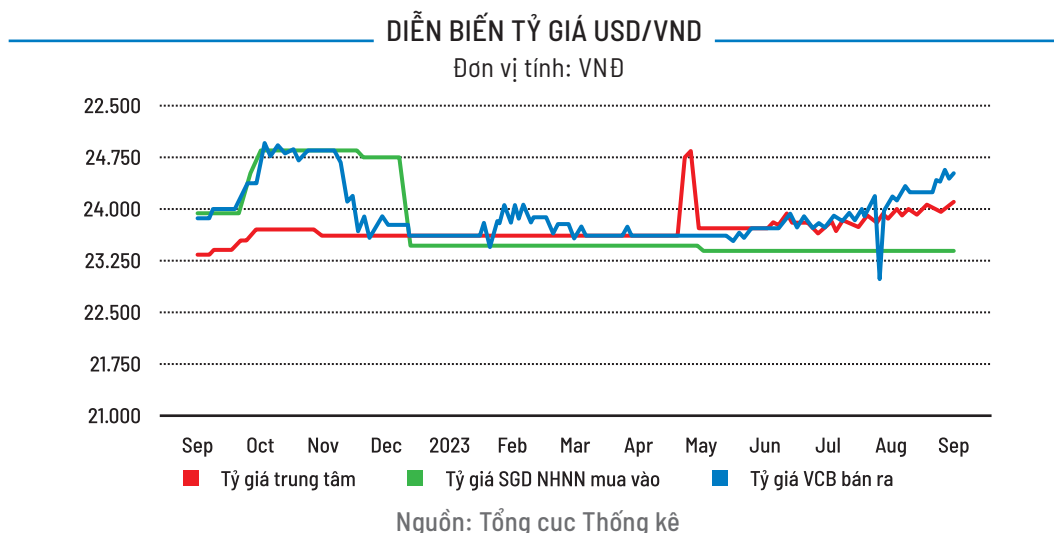


1.2.3. Tỷ giá

Đồng USD trên thị trường thế giới tăng trong tháng 9/2023. Ngày 20/9/2023, FED thông báo giữ nguyên lãi suất, duy trì trong biên độ 5,25% - 5,5%, đã đẩy lãi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm lên mức 4,5%, cao nhất trong 15 năm qua. Đồng thời, chỉ số US Dollar Index đã đẩy lên 105 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 11/2022. Tính đến ngày 25/9/2023, chỉ số USD trên thị trường quốc tế đạt mức 104,61 điểm, tăng 2,02% so với tháng trước.

Trong nước, sau giai đoạn tương đối ổn định trong nửa đầu năm, tỷ giá USD/VND đã có những biến động khá mạnh trong quý 3. Giá USD bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.274 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2023 tăng 1,53% so với tháng trước; tăng 0,35% so với tháng 12/2022; tăng 2,43% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 2,29% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 8-9, tỷ giá đã tăng nhanh và có dấu hiệu vượt khỏi ngưỡng mục tiêu (trên 3%). Vì vậy, để kiểm soát dần tỷ giá, NHNN đang có những động thái can thiệp cụ thể. Trong các công cụ để can thiệp ổn định tỷ giá, NHNN sẽ có các công cụ gồm điều tiết cung tiền, bao gồm hút/bơm tiền VND, hoặc bán/mua USD từ dự trữ ngoại hối và tăng lãi suất điều hành.



1.2.4. Giá vàng

Tính đến ngày 25/9/2023, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.950,5 USD/ounce, giảm 0,29% so với tháng 8/2023. Kết thúc cuộc họp chính sách ngày 20/9/2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất, duy trì ở mức 5,25%-5,5%, cao nhất trong 22 năm, thúc đẩy xu hướng đi lên của đồng USD và lợi suất trái phiếu, làm giảm sức hấp dẫn của vàng.

Giá vàng trong nước biến động ngược chiều với giá vàng thế giới. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2023 tăng 0,94% so với tháng trước; tăng 4,91% so với tháng 12/2022; tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 2,22% so với cùng kỳ năm trước.

1.2.5. Chứng khoán

Con sóng tăng 4 tháng liên tiếp của thị trường nhờ lực đẩy từ 4 lần giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đã bị chặn ngang trong tháng 9/2023 vừa qua. Nhịp điều chỉnh 127 điểm (-10,23%) của chỉ số VN-Index kể từ đỉnh 1.255 điểm là diễn biến bình thường sau nhiều tháng tăng liên tục. Chỉ số VN-Index khép lại quý III/2023 với mức tăng 3%, ngược dòng chứng khoán thế giới, đây cũng là quý tăng thứ ba liên tiếp của chỉ số này (quý I tăng 5,7%, quý II tăng 5,2%) bất chấp tuần và tháng cuối quý giảm mạnh.

Thanh khoản toàn thị trường ở tuần cuối tháng 9/2023 xuống mức thấp nhất trong vòng 10 tuần trở lại đây, tuy vậy tính chung cả tháng thì tháng 9/2023 vẫn có mức thanh khoản cao nhất kể từ đầu năm, qua đó kéo thanh khoản quý III/2023 tăng ấn tượng. Nhận định thị trường tuần này, chuyên gia chỉ số VN-Index sẽ tạo vùng đáy ở khu vực 1.120 - 1.140 điểm. Thị trường đang ổn định trở lại sau loạt dữ liệu vĩ mô và phía trước là mùa báo cáo kết quả kinh doanh quý III/2023.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 9/2023

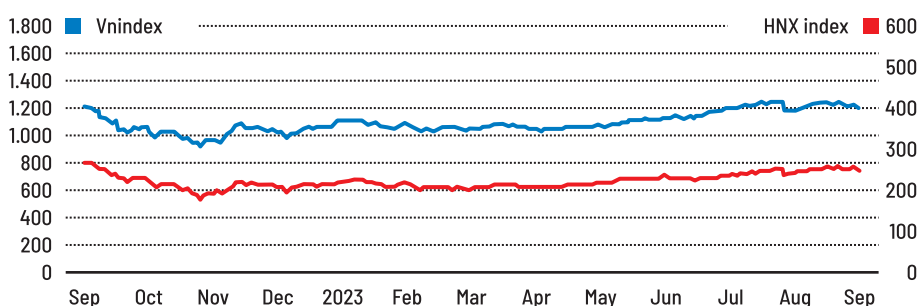
Chỉ số	Điểm	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Xu hướng ngắn hạn	Kháng cự	Hỗ trợ
VN-Index	1.154,15	0,15	-3,26	3,87	Giảm	1.245	1.120
VN30	1.166,26	0,16	-2,62	3,66	Giảm	1.260	1.145
HNX-Index	236,35	0,79	-2,80	6,26	Giảm	245	205
UPCoM-Index	88,78	0,38	-2,18	17,06	Giảm	94	85

Nguồn: SSC

Năm 2023 sẽ là năm hồi phục, tăng giá của thị trường chứng khoán Việt Nam sau năm 2022 trượt giảm. Thị trường có khả năng diễn biến tích cực, mở rộng đà hồi phục trong những tháng cuối năm 2023, nhờ các yếu tố như chính sách tiền tệ nới lỏng, nhà đầu tư cá nhân đẩy mạnh mua ròng, dòng tiền khối ngoại quay trở lại.

Cụ thể, động thái nới lỏng chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước đã giúp cải thiện tâm lý nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Chính phủ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trên thị trường chứng khoán.

DIỄN BIẾN CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng*

Đã có rất nhiều chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay. Sau 4 lần điều chỉnh lãi suất điều hành, đồng thời thực hiện nhiều biện pháp để giảm lãi suất đối với các khoản vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản vay mới, đến nay các tổ chức tín dụng cam kết đồng hành, chia sẻ khó khăn cùng doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước với *tổng tiền lãi được giảm ước tính khoảng 19.000 tỷ đồng*.

Trong thời gian tới, *ngành ngân hàng sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng* theo khu vực cụ thể; tiết giảm thêm chi phí, tăng cường chuyển đổi số và các giải pháp khác để có điều kiện hạ mức lãi suất cho vay. Đặc biệt, giảm thời gian xét duyệt và giải ngân nguồn vốn tín dụng.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

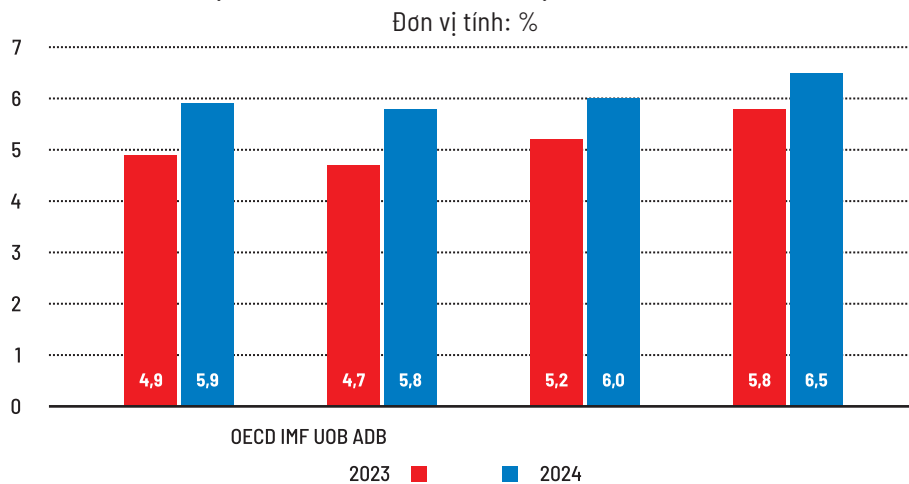
Trên cơ sở kết quả 9 tháng, dự báo bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cập nhật các kịch bản tăng trưởng quý IV và cả năm 2023 như sau:

- *Kịch bản 1: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 5,0%, quý IV cần tăng 7,0% (quý IV năm 2022 tăng 5,92%).*
- *Kịch bản 2: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 5,5%, quý IV cần tăng 8,8%.*
- *Kịch bản 3: Tăng trưởng kinh tế cả năm khoảng 6%, quý IV cần tăng 10,6%.*

Tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2023, Thủ tướng yêu cầu lựa chọn kịch bản tăng trưởng GDP cả năm khoảng 6% để tiếp tục phấn đấu đạt kết quả cao nhất có thể cho năm 2023.

Hầu hết các Chuyên gia kinh tế và các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm nay cao nhất chỉ ở mức 6% - đồng nghĩa với việc sẽ khó để đạt mục tiêu 6,5%. Điều này cũng phù hợp với nhận định của Chính phủ Việt nam.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM NĂM 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

OECD dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay gặp khó khăn nên hạ xuống 4,9% và 5,9% vào năm 2024.

Cho rằng đà phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam đã bị chững lại do các cơn gió nghịch tác động mạnh tới nền kinh tế vào cuối năm 2022 và trong nửa đầu năm 2023. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam sẽ chậm lại ở mức 4,7% trước khi bật tăng lên 5,8% vào năm 2024.

Ngân hàng UOB (Singapore) cũng vừa công bố Báo cáo Triển vọng kinh tế quý IV/2023 với dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm 2023 là 5,2% và 6% cho năm 2024. Trong đó, dự kiến mức tăng trưởng GDP quý II/2023 là 5,6% và quý IV/2023 là 7,6%. Trong thời gian còn lại của năm, nền kinh tế có thể sẽ gặp nhiều thách thức vì chỉ số quản lý mua hàng (PMI) của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với PMI chung của khu vực ASEAN, xuất khẩu đã giảm 9 trong 10 tháng qua, nhập khẩu giảm 10 tháng liên tiếp.

Tại họp báo ngày 27/9, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm 2023 xuống mức 5,8% so với mức dự báo trước đó là 6,5%. Tăng trưởng 2024 dự báo đạt 6% do nền kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, sự thắt chặt tiền tệ ở các nền kinh tế lớn và bất ổn địa chính trị tiếp tục diễn. Dự báo lạm phát cũng giảm xuống, có thể ở mức 3,8% năm 2023 và 4% năm 2024.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Các đợt cắt giảm sản lượng của Arab Saudi và Nga đã liên tục thắt chặt nguồn cung ngay thời điểm nhu cầu tiêu thụ vọt lên mức kỷ lục.

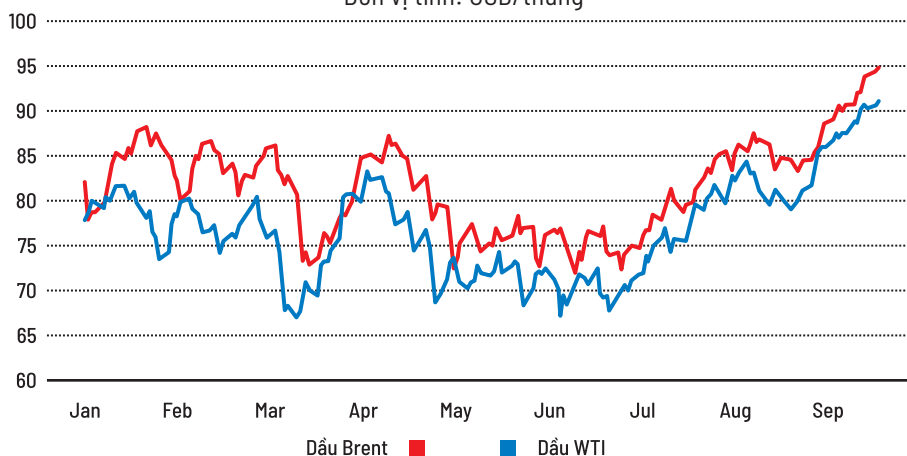
Hiện tại, các kho dự trữ dầu thô đang vơi dần và nhà máy lọc dầu trên khắp thế giới đang buộc phải gom thêm hàng để đảm bảo sản xuất đủ nhiên liệu cho người tiêu dùng.

▪ *Diễn biến giá:*

Nhu cầu dầu thô tăng kết hợp với những hạn chế về nguồn cung, thúc đẩy giá dầu thô và góp phần làm tăng giá tiêu dùng. Theo đó, **giá dầu Brent chuẩn quốc tế đã tăng hơn 30% kể từ mức thấp hồi tháng 3 năm nay.**

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU BRENT VÀ WTI TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN PHIÊN 19/9

Đơn vị tính: USD/thùng

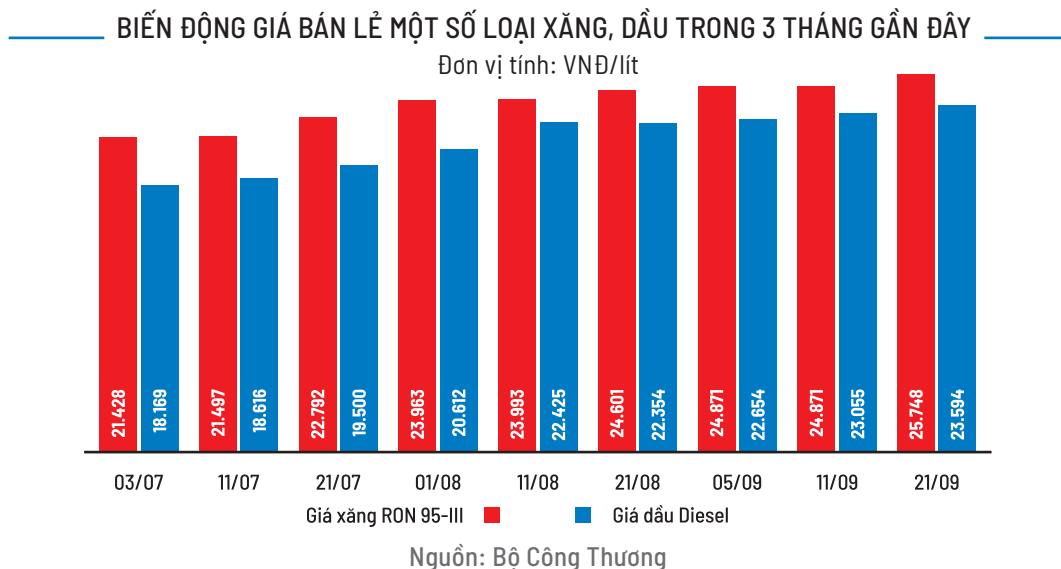


Nguồn: Investing.com

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2023

1.1.2. Thị trường trong nước

Giá xăng dầu trong tháng 9/2023 cao hơn 5,64% so với tháng 9/2022, với giá xăng A95 tăng 3.010 đồng/lít, xăng E5 tăng 2.410 đồng/lít và dầu diesel tăng 1.060 đồng/lít.



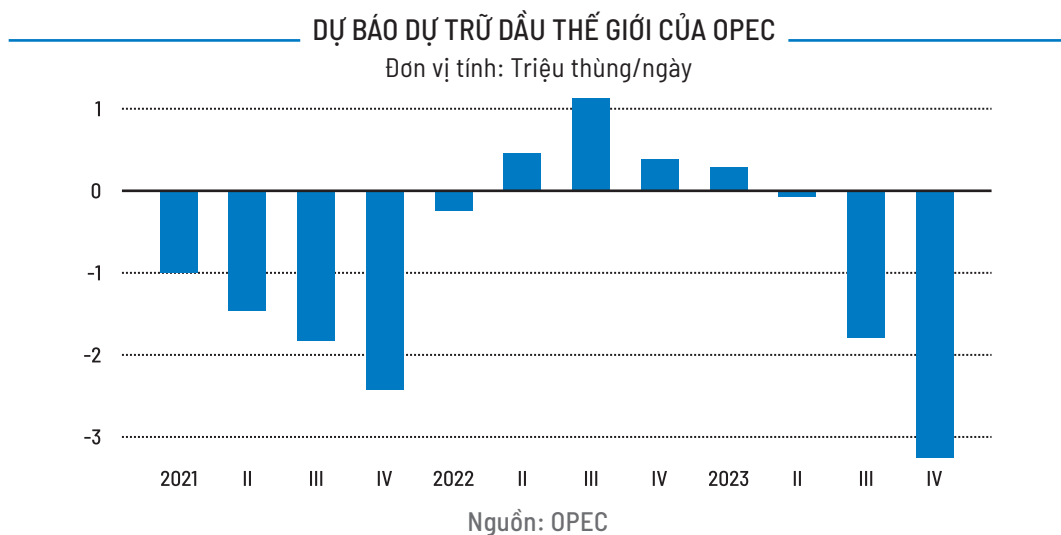
Bình quân giá xăng dầu trong nước 9 tháng năm 2023 giảm 15,26% so với cùng kỳ năm trước, giá dầu hỏa giảm 11,26%.

1.2. Dự báo

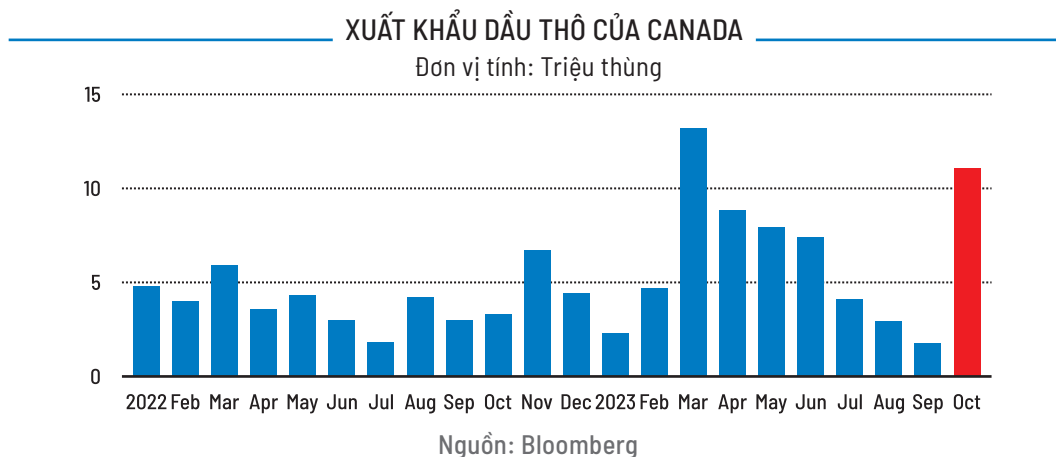
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Theo OPEC, dự trữ dầu thế giới, đã cạn kiệt mạnh trong quý này, thậm chí còn giảm mạnh hơn khoảng 3,3 triệu thùng/ngày trong ba tháng tới.



Xuất khẩu dầu thô của Canada từ các cảng vùng Vịnh của Mỹ dự kiến sẽ tăng vọt trong tháng 10 do việc cắt giảm sản lượng của Saudi Arabia và Nga làm tăng nhu cầu ở nước ngoài, trong khi việc bảo trì nhà máy lọc dầu của Mỹ cũng khiến cho các khách hàng tìm kiếm đến nguồn cung từ Canada.



▪ **Cầu dầu mỏ:**

Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã giữ nguyên các mức dự báo tăng trưởng cầu dầu toàn cầu trong năm 2023 và năm 2024. Theo đó, cầu dầu thô toàn cầu được dự báo sẽ tăng 2,25 triệu thùng/ngày trong năm 2024, so với mức dự báo tăng 2,44 triệu thùng/ngày của năm 2023.

Theo dự báo của JPMorgan, sự mất cân bằng cung cầu toàn cầu ở mức 1,1 triệu thùng/ngày vào năm 2025, nhưng sẽ tăng lên mức thâm hụt 7,1 triệu thùng/ngày vào năm 2030 do nhu cầu mạnh mẽ tiếp tục tăng lên so với nguồn cung hạn chế.

▪ **Diễn biến giá:**

Ngày 20/9, Goldman Sachs đã nâng dự báo 12 tháng đối với giá dầu Brent tiêu chuẩn toàn cầu lên 100 USD/thùng từ mức 93 USD/thùng khi nhu cầu bùng nổ và việc kiểm chế nguồn cung của OPEC+ đã thắt chặt thị trường.

Trong 3 năm tới, Nga dự kiến bán khí đốt tự nhiên cho Trung Quốc qua đường ống với giá bằng nửa bán cho châu Âu. Theo đó, năm sau giá khí đốt trung bình bán cho Trung Quốc dự kiến là 271 USD với mỗi 1.000 m³.

1.2.2. Thị trường trong nước

Lệnh cấm của Nga sẽ vẫn hỗ trợ giá dầu trong thời gian được thực hiện, khi chênh lệch giữa giá dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ khai thác từ đó sẽ khuyến khích các nhà máy lọc dầu của các nước khác tăng chế biến dầu thô.

Luật Giá năm 2023 sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7/2024 và sẽ tác động đến cơ chế điều hành giá xăng dầu. Vì vậy, giá xăng dầu sẽ tiếp cận sát hơn với giá thị trường, dưới sự quản lý của nhà nước.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nhiệt độ vẫn ôn hòa trên toàn khu vực châu Âu, hạn chế mức tiêu thụ khí đốt trong khi vẫn còn vài tuần nữa mới đến mùa sương ẩm. Các kho khí đốt của khu vực này cũng đầy hơn 94%, cao hơn nhiều so với mức trung bình theo mùa, tạo ra một bước đệm cho mọi mối đe dọa nguồn cung trước mắt.

2.1.2. Thị trường trong nước

Tính từ đầu năm đến nay, giá gas trong nước có 5 lần giảm (tháng 1, tháng 3, tháng 4, tháng 6 và tháng 7) và 5 lần tăng vào tháng 2, tháng 5, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 tới.

Bình quân giá xăng dầu trong nước 9 tháng năm 2023 giảm 10,21% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Chính phủ Nga đã cắt giảm dự báo giá khí đốt xuất khẩu của Nga sang các nước ngoài Liên Xô cũ hiện dự kiến đạt mức 434,6 USD/1.000 mét khối vào năm 2023, ở mức 321,7 USD vào năm 2024, 308,3 USD vào năm 2025 và 296 USD vào năm 2026.

Ngày 20/9, CNOOC đã đưa ra dự báo về nhu cầu khí đốt tự nhiên của Trung Quốc. Cụ thể:

- Nhu cầu khí đốt tự nhiên của Trung Quốc trong năm nay dự kiến sẽ tăng 8% từ năm 2022, lên 396,4 tỷ mét khối (bcm).
- Sản lượng khí đốt tự nhiên trong nước của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng lên 227,8 bcm trong cả năm 2023, tăng 4,6% so với năm ngoái.
- Nhập khẩu cả khí đốt qua đường ống và khí tự nhiên hóa lỏng đều được dự kiến sẽ tăng để đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng tăng.
- Công suất tiếp nhận LNG của nước này, dự kiến đạt 139,3 triệu tấn hàng năm vào cuối năm 2023, và sẽ tăng lên 181,8 triệu tấn vào năm 2025.

Sự phụ thuộc của Trung Quốc vào nhập khẩu nước ngoài có thể sẽ tăng lên trong những năm tới, với việc nhập khẩu LNG và khí đốt qua đường ống dự kiến sẽ chiếm 46% nhu cầu nội địa vào năm 2025 và 49% vào năm 2035.

2.2.2. Thị trường trong nước

Nguồn cung khí cho thị trường Việt Nam trong tương lai phụ thuộc hoàn toàn nguồn nhập khẩu. Trong khi đó, khách hàng điện và công nghiệp có xu hướng chuyển từ tiêu thụ khí nội địa sang khí nhập khẩu khi nguồn cung cho sản xuất LPG trong nước có xu hướng giảm.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Ngày 2/9, Trung Quốc đã yêu cầu một số nhà sản xuất phân bón tạm dừng xuất khẩu ure và điều này sẽ gia tăng nguy cơ thắt chặt nguồn cung phân bón toàn cầu.

Tại khu vực Trung Đông, Chính phủ Ai Cập quyết định gia hạn vô thời hạn việc cắt giảm 30% nguồn cung khí đốt đối với tất cả các nhà sản xuất phân ure tại nước này.

Bên cạnh đó, Nga tiếp tục áp đặt hạn ngạch mới ở mức 16,3 triệu tấn cho xuất khẩu phân bón, trong đó 10,66 triệu tấn hạn ngạch áp dụng cho phân ure, UAN và AN, có hiệu lực từ ngày 1/6 đến ngày 30/11/2023.

Nhà máy sản xuất ở Malaysia, Brunei, Indonesia đang trong quá trình bảo dưỡng.

3.1.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu tiêu thụ nội địa ở mức thấp và xuất khẩu cũng chưa ghi nhận có lô hàng mới nên các giao dịch hiện khá trầm lắng. Hiện nhu cầu tiêu thụ phân ure cho cây trồng tại các khu vực đều ở mức thấp/hạn chế. Tại miền Bắc, nhiều diện tích lúa Hè Thu đã bón xong 3 đợt chính nên nhu cầu tiêu thụ chậm.

Mặc dù hiện tại không phải là cao điểm của mùa vụ trong nước nhưng giá phân bón trong nước cũng đã tăng theo đà tăng giá của ure thế giới.

Về nguồn cung phân bón trong nước hiện nay, hiện công suất sản xuất phân đạm ure của 4 nhà máy thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) đã lên tới 2,5 triệu tấn/năm trong khi nhu cầu tiêu thụ trong nước chỉ ở ngưỡng 1,6-1,8 triệu tấn/năm. Phân ure đã dư thừa và xuất khẩu từ nhiều năm nay.

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong ngắn hạn, thị trường có xu hướng dư cung ure do nguồn cung từ Nigeria và Đông Nam Á phục hồi, còn xuất khẩu ure của Trung Quốc dự kiến tăng. Trong khi đó, nhu cầu phân bón ure dường như không cải thiện khiến cả thương nhân và nhà nhập khẩu đều có xu hướng giảm giá chào bán.

3.2.2. Thị trường trong nước

Việc Trung Quốc yêu cầu một số công ty sản xuất phân bón tạm dừng xuất khẩu ure sau khi giá trong nước tăng vọt sẽ khiến giá ure trên thế giới tiếp tục tăng, kéo theo giá phân bón tại thị trường Việt Nam tăng theo.

Nhu cầu phân bón ure sẽ tăng mạnh hơn trong quý IV-thời điểm vụ Đông Xuân nên giá phân ure sẽ có thể sẽ điều chỉnh tăng. Ngoài ra, giá phân ure thế giới được định giá theo biến động của giá dầu khí. Vì vậy, giá ure trong nước đang được nhiều doanh nghiệp dự báo sẽ tăng trong quý IV tới.

Diễn biến của thị trường ure thế giới khó đoán nên doanh nghiệp cần cân nhắc trong hoạt động xuất khẩu để đảm bảo nguồn cung trong nước, tránh tình trạng khan hiếm và giá bị đẩy lên quá cao.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nền kinh tế lớn nhất EU đã phải tăng cường nhập khẩu điện trong năm nay sau khi chính phủ quyết định đóng cửa các nhà máy điện hạt nhân cuối cùng còn lại của đất nước để chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

4.1.2. Thị trường trong nước

Thách thức lớn với nhà máy điện khí LNG vẫn là giá thành cao, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất điện phụ thuộc giá nhập khẩu. Hiện chưa có khung giá phát điện của các dự án điện khí LNG, nên cũng chưa biết đàm phán mức bao nhiêu là hợp lý.

Nhiều dự án, chuỗi dự án khí - điện LNG đã được quy hoạch, thậm chí đã được cho phép chủ trương đầu tư vẫn chưa được triển khai, hoặc bị kéo dài tiến độ chuẩn bị đầu tư, còn lúng túng chỉ đạo và thực hiện triển khai chuỗi khí - điện.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo dự báo mới nhất của IEA, gần 80,3% số người dân không được tiếp cận với điện trên thế giới vào cuối năm 2023 vẫn sẽ tập trung ở khu vực châu Phi cận Sahara, 14,3% ở các nước châu Á đang phát triển, 2,2% ở châu Mỹ Latinh và 3,2% ở các khu vực còn lại trên thế giới.

Ước tính của IEA và Ngân hàng Phát triển Châu Phi, việc giải quyết vấn đề tiếp cận điện cho tất cả người dân châu Phi vào năm 2030 sẽ cần khoản đầu tư hàng năm là 22 tỷ USD. Tuy nhiên khoản đầu tư hiện tại chỉ chiếm 15% tổng số tiền trên.

4.2.2. Thị trường trong nước

Việc phát triển phát triển nhiệt điện khí (cả tự nhiên và LNG) là hướng đi tất yếu và có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm cung cấp điện cho nền kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) đang hoạt động trong một ngành có nhiều biến động và thách thức. Để phát triển bền vững, PVN cần xây dựng một chiến lược phù hợp với xu hướng thị trường và môi trường kinh doanh. Dưới đây là một số gợi ý chiến lược:

- **Chuyển dịch từ dầu khí sang Năng lượng tái tạo:** Với xu hướng toàn cầu hướng đến năng lượng sạch và giảm lượng khí thải CO₂, PVN cần đầu tư mạnh mẽ vào năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió và thủy điện.
- **Nâng cao hiệu quả và giảm chi phí:** Áp dụng công nghệ mới và tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm chi phí và nâng cao hiệu suất.
- **Phát triển thị trường xuất khẩu:** Mở rộng thị trường xuất khẩu, khám phá thị trường mới và tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế.
- **Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển:** Xây dựng trung tâm nghiên cứu để phát triển công nghệ mới, tối ưu hóa quá trình sản xuất và tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới.
- **Quan tâm đến môi trường và trách nhiệm xã hội:** Xây dựng hình ảnh thân thiện với môi trường và xã hội, thực hiện các dự án mang tính cộng đồng và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.
- **Đào tạo và phát triển nhân lực:** Tập trung vào việc đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên, tạo điều kiện thuận lợi để họ phát triển kỹ năng và kiến thức.
- **Quản trị rủi ro:** Xây dựng một hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả, nhằm đối phó với biến động giá dầu và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.
- **Hợp tác và liên kết:** Xây dựng mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển công nghệ mới.
- **Tối ưu hóa cơ cấu tổ chức:** Xem xét việc tái cấu trúc tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra quyết định nhanh chóng và hiệu quả.
- **Đầu tư vào hệ thống thông tin:** Đầu tư vào hệ thống thông tin hiện đại, giúp nâng cao khả năng quản lý, giám sát và ra quyết định.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 10/2023

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 9 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 9 2023	9 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	4,24				
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)						101,65	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	12.684				112,9	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	5.808				108,5	
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN					115,6	
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	4.124					
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.273			100,3		
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.441			91,8		
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ		2.260,5			129	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		18,15			115,9	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Triệu USD		244,8			71,8	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	515,4	4.567,8			119,7	
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD	60,53	497,67	20,6	162,1	175,6	
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	31,41	259,67	103,6	84,2	94,6	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	29,12	237,99	105	77,9	81,2	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,29	Xuất siêu 21,68				
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				101,96	106,62	105,99	105,14
7.2	Chỉ số giá vàng				101,58	112,83	103,76	108,84
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,75	101,43	102,27	98,84
7.4	Lạm phát cơ bản						113,35	

A: Tháng 9/2023 so với tháng trước

B: Tháng 9/2023 so với tháng 9/2022

C: 9 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2022

D: Tháng 9/2023 so với tháng 12/2022



Ảnh bìa: Các nỗ lực giảm phát thải cacbon và Đạo luật Giảm lạm phát mang lại các cơ hội đầu tư và khuyến khích năng lượng tái tạo đáng kể ở Mỹ.

 Pixabay



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện